

Bản án số: 72/2019/HS-ST
Ngày 27 - 12 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Nghiệp

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Hội nông dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Nghề nghiệp: Giáo viên.

Nơi công tác: Trường trung học cơ sở xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 72/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với:

Bị cáo Hán Văn Tú T, sinh ngày 14/3/2002, tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu M, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hán Minh L, sinh năm 1975; con bà Trần Thị N, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

(Tại danh chỉ bản số 190 của Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 21/8/2019).

Bị cáo không bị bắt giữ, hiện đang tại ngoại tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Người đại diện cho bị cáo: Chị Trần Thị N, (là mẹ đẻ của bị cáo); sinh năm 1976.

Trú tại: Khu M, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Bùi Thu H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ (vắng mặt, có đơn Đ nghị xét xử vắng mặt).

Người bị hại: Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1964

Trú tại: Khu Đ, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Anh T1, sinh ngày 12/10/2004

Địa chỉ: Khu 11, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Anh Đỗ Hoàng D, sinh năm 2005

Địa chỉ: Khu T, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 17/8/2019, Hán Văn Tú T, cùng với Trần Anh T1 đi chơi qua quán bán hàng tạp hóa của ông Ngô Văn Đ, ở khu Đ, xã P. Khi đi qua quán T và T1 thấy trong quán có khoảng 4 đến 5 người đang ngồi uống bia, trước cửa quán có dựng 05 chiếc xe máy, lúc này T1 nảy sinh ý định trộm cắp xe máy để làm phương tiện đi lại, nên T1 bảo T đến lấy chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen đã cũ, biển kiểm soát 19Y1-1782 của ông Ngô Văn Đ dựng ở ngoài cùng, vị trí để chiếc xe khuất tầm nhìn của những người ngồi trong quán, còn T1 đứng ở ngoài cảnh giới, T đồng ý, sau đó T đi lại gần để kiểm tra xe thì thấy chiếc xe trên không khóa cổ, khóa càng, ổ khóa xe không cắm chìa khóa nên T đã dắt chiếc xe ra ngoài, sau khi lấy được xe thì T1 và T thay nhau

dắt chiếc xe trên đến nhà anh Đỗ Hoàng D, ở khu T, xã P (D là bạn của T1 và T). Khi đến nhà D thì D và bố đẻ của D là ông Đỗ Xuân T, sinh năm 1976 ở nhà, T dắt xe máy vào trong bếp nhà D; sau đó T1 mượn của D một chiếc tua vít đầu hai cạnh, phần kim loại dài khoảng 30 cm, chuôi bằng nhựa màu đen hình tròn, rồi T1 và T sử dụng chiếc Tua vít, cùng nhau tháo rời chiếc biển kiểm soát và hai bên yếm của chiếc xe ra với mục đích để không ai nhận ra chiếc xe đó.

Sau đó T1 cắt và đấu nối dây điện để nổ máy khởi động xe rồi T1 điều khiển chiếc xe máy trên chỗ T đi về nhà T, còn T1 đi chiếc xe trên về nhà mình (T1 và T bỏ lại chiếc biển kiểm soát và hai chiếc yếm xe ở nhà D).

Ông Ngô Văn Đ sau khi phát hiện chiếc xe bị mất đã báo Công an xã P và công an huyện Cẩm Khê giải quyết.

Đến khoảng 20 giờ ngày 18/8/2019, T1 đi chiếc xe máy trên đến nhà anh Mai Tuấn A, sinh năm 2001; ở khu B 1, xã P, huyện C và rủ anh A đến nhà T, nhưng khi đến nhà T thì T không có ở nhà nên T1 để lại chiếc xe máy ở nhà anh A và nhờ anh A mang chiếc xe trên đến cho T (T1 không nói với anh A chiếc xe máy là T sản do trộm cắp mà có). Sau đó T1 nhờ anh A đưa ra ngã ba xã P để mẹ T1 là chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1981; ở khu 11, thị trấn S đến đón T1 về nhà. Trên đường về thì bị chị Đ hỏi, thì T1 đã thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc xe máy trên nên chị Đ đã đưa T1 đến trụ sở UBND xã P để làm việc, đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, anh A đã đi chiếc xe trên đến nhà T1 và trả lại cho T1, khi chị Đ quay trở về nhà thì thấy chiếc xe máy trên nên đã giao nộp cho cơ quan điều tra.

Vật chứng thu giữ:

Ngày 19/8/2019, Chị Nguyễn Thị Đ tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đen đã cũ, số máy HC09E5539217, số khung 09047Y439890, xe bị mất biển kiểm soát và 02 chiếc yếm.

Cùng ngày, chị Nguyễn Thị Hải T, sinh năm 1989; trú tại khu 06, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 02 chiếc yếm xe máy màu đen, đã qua sử dụng, đây là 02 chiếc yếm xe máy mà T1 và T đã bỏ lại nhà D ngày 17/8/2019. Sau đó ông T đã mang bán 02 chiếc yếm xe này cho bà Đỗ Thị T, sinh năm 1967; ở khu L, xã P, huyện C giá 2.000đồng, bà T đã bán lại hai chiếc yếm này cho chị T giá 2.500đồng.

Cùng ngày, Đỗ Hoàng D đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Điều tra 01 chiếc tua vít T1 và T mượn để tháo 02 yếm xe máy và 01 chiếc biển kiểm soát 19Y1-1782 từ chiếc xe máy trộm cắp của ông Đ ngày 17/8/2019.

Ngày 19/8/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê ra quyết định trưng cầu định giá 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu

đen, biển kiểm soát 19Y1-1782.

Kết luận định giá T sản số 46, ngày 19/8/2019, Hội đồng định giá T sản trong tổ tụng hình sự huyện Cẩm Khê kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, BKS 19Y1-1782 có giá trị 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Ngày 24/8/2019, ông Ngô Văn Đ có đơn xin lại T sản đã bị trộm cắp nêu trên, cùng ngày cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại cho ông Đ chiếc xe máy trên cùng hai chiếc yếm xe đã bị tháo rời của xe và 01 biển kiểm soát.

Trong vụ án này, Đỗ Hoàng D là người cho T1 và T mượn chiếc tua vít để tháo yếm xe và biển kiểm soát của xe máy; Mai Tuấn A là người cho T1 gửi nhờ chiếc xe máy ở nhà mình; còn ông Đỗ Xuân T, bà Đỗ Thị T và chị Nguyễn Thị Hải T là những người đã bán và mua 02 chiếc yếm xe, tuy nhiên những người này đều không biết tài sản trên do T1 và T trộm cắp nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Trần Anh T1: Khi thực hiện hành vi trộm cắp T sản cùng với Hán Văn Tú T thì T1 chưa đủ 16 tuổi; hành vi trộm cắp mà T1 thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên T1 không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngày 09/10/2019, Công an huyện Cẩm Khê ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Anh T1 là đúng quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, Hán Văn Tú T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai phù hợp lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và vật chứng vụ án cùng các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra ông Ngô Văn Đ đã nhận lại tài sản, không đề nghị T1 và T phải bồi thường gì; còn chị Nguyễn Thị Hải T cũng không có đề nghị gì về việc bồi thường dân sự đối với số tiền mà chị đã mua hai chiếc yếm xe máy trên.

Cáo trạng số 72/CT-VKSC-KHS ngày 09/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Hán Văn Tú T về tội: Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố Hán Văn Tú T và đề nghị xét xử bị cáo tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 90, 91 và Điều 100 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hán Văn Tú T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Ngô Văn Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen; 01 BKS 19Y1-1782 và 02 yếm xe theo biên bản rả T sản ngày 19/8/2019.

Tịch thu 01 tua vít không còn giá trị sử dụng để tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Các bên không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo; người đại diện cho bị cáo và người bào chữa đều thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, không tham gia tranh luận đối với bản luận tội; người bào chữa cho bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và mong muốn Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:*

Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2]. *Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:*

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã xác định được:

Khoảng 22 giờ ngày 17/8/2019, Hán Văn Tú T và Trần Anh T1 đi qua quán tạp hóa nhà ông Ngô Văn Đ ở khu Đ, xã P, huyện C. T và T1 thấy phía trong quán có 4 đến 5 người đang uống bia, phía trước quán có dựng 5 chiếc xe

máy nên T1 nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy nên T1 bảo T đến lấy chiếc xe máy BKS 19Y1 - 1782. T đã dắt chiếc xe ra ngoài, sau đó T1 và T thay nhau dắt chiếc xe đến nhà Đỗ Hoàng D ở khu 05, xã P; mượn tua vít nhà D tháo biển kiểm soát và hai yếm xe; nhằm mục đích tránh sự phát hiện của người khác, sau đó T1 sử dụng chiếc xe đó.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ; lời khai người bị hại, lời khai người có liên quan cũng như các chứng cứ và T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo T đã phạm tội: Trộm cắp tài sản. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê truy tố đối với bị cáo T về tội: Trộm cắp tài sản, là đúng người, đúng tội.

Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ...

[3]. *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:*

Bị cáo phạm tội lỗi cố ý; mức độ phạm tội là ít nghiêm trọng, nhưng bị cáo đã xâm phạm chế độ sở hữu tài sản nên hành vi của bị cáo phải bị đưa ra để xét xử.

[4]. *Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:*

Hành vi phạm tội của bị cáo là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo giúp việc điều tra vụ án được thuận lợi và tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ là “ Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Người bị hại có mặt tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được coi là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại thời điểm phạm tội, bị cáo mới 17 tuổi 5 tháng tuổi là người chưa thành niên nên được áp dụng quy định pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại 90, 91 của Bộ luật hình sự. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Chỉ cần áp dụng hình phạt cải

tạo không giam giữ đối với bị cáo T cũng đảm bảo giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội và thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật hình sự còn quy định: “Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội” nên không đặt ra giải quyết đối với bị cáo.

[6]. Về khấu trừ thu nhập: Khoản 2 Điều 100 của Bộ luật hình sự quy định không khấu trừ thu nhập đối với người từ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[7]. Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:

Vật chứng vụ án là 01 chiếc xe mô tô; 01 BKS 19Y1-1782 và 02 yếm xe của ông Ngô Văn Đ, cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đ theo biên bản trả tài sản ngày 23/8/2019 là đúng pháp luật cần xác nhận;

01 chiếc tua vít là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng phải tịch thu để tiêu hủy.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Các bên không đề nghị xem xét nên Tòa án không giải quyết.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hán Văn Tú T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 36, 90; 91 và Điều 100 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hán Văn Tú T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ được giao để giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc xe mô tô; 01 BKS 19Y1-1872 và 02 yếm xe cho ông Ngô Văn Đ theo biên bản trả tài sản ngày 23/8/2019, tại Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Tịch thu 01 tua vít theo biên bản giao vật chứng ngày 11/11/2019 tại chi Cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê để tiêu hủy.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hán Văn Tú T (Chị N đại diện) phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo; người đại diện cho bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo; người bào chữa cho bị cáo vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Thi hành án hình sự;
- Thi hành án dân sự;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Đại diện người bị hại;
- Người có QLVLQ;
- Lưu HS+VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hán Hưởng